

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 803/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc cấp giấy phép môi trường cho Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm; đề nghị của Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm tại Công văn số 208/BVĐTT ngày 27/6/2025 về việc giải trình, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án đầu tư Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm và hồ sơ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm, địa chỉ tại số 112 đường Phạm Văn Đồng, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện đa khoa khu

vực Đặng Thùy Trâm” địa chỉ số 112 đường Phạm Văn Đồng, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 112 đường Phạm Văn Đồng, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

1.3. Quyết định thành lập Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm số 2787/QĐ-UBND ngày 23/11/2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

1.4. Mã số thuế: 4300358227.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Tổng diện tích của dự án: khoảng 25.016,5 m² (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CT01751, cấp ngày 09/8/2012).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm hoạt động với quy mô 260 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày cấp phép).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.

- Chủ trì, phối hợp với UBND phường Đức Phổ tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Sở Nông Nghiệp và Môi trường (t/h);
- UBND phường Đức Phổ (t/h);
- Bệnh viện đa khoa khu vực Đặng Thùy Trâm (t/h);
- VP UB tỉnh: CVP, các PCVP, TTHC;
- Công TTĐT tỉnh (công bố);
- Lưu: VT, NNMT.BPN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Phước Hiền

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:** Mười chín (19) nguồn thải, cụ thể:

TT	Nguồn thải	Vị trí phát sinh
1	Nguồn số 1	Nước thải sinh hoạt từ khối Khoa phụ sản
2	Nguồn số 2	Nước thải sinh hoạt từ khối Khoa phục hồi chức năng
3	Nguồn số 3	Nước thải sinh hoạt từ khối Khoa nhiệt đới
4	Nguồn số 4	Nước thải sinh hoạt từ khối Khu cấp cứu + khám bệnh
5	Nguồn số 5	Nước thải sinh hoạt từ khối Khoa nội
6	Nguồn số 6	Nước thải sinh hoạt từ khối Khoa y học cổ truyền
7	Nguồn số 7	Nước thải sinh hoạt từ khối Khu nhà hành chính
8	Nguồn số 8	Nước thải sinh hoạt từ khối Kỹ thuật nghiệp vụ
9	Nguồn số 9	Nước thải sinh hoạt từ khối Khoa dinh dưỡng
10	Nguồn số 10	Nước thải sinh hoạt từ khối Khu bệnh cách ly
11	Nguồn số 11	Nước thải y tế từ khối Khoa phụ sản
12	Nguồn số 12	Nước thải y tế từ khối Khoa phục hồi chức năng
13	Nguồn số 13	Nước thải y tế từ khối Khoa nhiệt đới
14	Nguồn số 14	Nước thải y tế từ khối Khu cấp cứu + khám bệnh
15	Nguồn số 15	Nước thải y tế từ Khoa nội
16	Nguồn số 16	Nước thải y tế từ Khoa y học cổ truyền
17	Nguồn số 17	Nước thải y tế từ Khu nhà hành chính
18	Nguồn số 18	Nước thải y tế từ khối Kỹ thuật nghiệp vụ
19	Nguồn số 19	Nước thải y tế từ khối Khu bệnh cách ly

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Một (01) dòng nước thải tương ứng với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm của dự án xả ra hệ thống thoát nước chung của phường Đức Phổ trên đường Huỳnh Công Thiệu, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại hố ga trên đường Huỳnh Công Thiệu, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (tại vị trí có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108° , múi chiếu 3° : $X = 1638982$; $Y = 603167$).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là $150 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức ra đường ống PVC, D90 đưa về hố ga hệ thống thoát nước chung của phường Đức Phổ trên đường Huỳnh Công Thiệu, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải:

Dòng số 01: Đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Đối với các thông số: pH, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera trong nước thải y tế, sử dụng hệ số K = 1), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
3	COD	mg/l	120		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
6	Amoni (tính theo Nito)	mg/l	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn /100 ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn /100 ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn /100 ml	KPH		

Ghi chú:

(*): Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục, quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Nghị định số 05/2025/NĐ-

CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn, nước sau xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

1.1.2. Nước thải y tế: Nước thải từ các hoạt động khám chữa bệnh được thu gom vào các hố ga nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

1.1.3. Nước thải nhà ăn tại căn tin: Nước thải được thu gom và tách thức ăn thừa bằng lưới chắn rác trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

1.1.4. Nước thải giặt là: Nước thải được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các hoạt động của Bệnh viện → Ngăn phân ly rắn – lỏng → Bể điều hòa → Hộp phân chia lưu lượng → Ngăn chứa đệm vi sinh lưu động → Ngăn tuần hoàn → Ngăn chứa vật liệu lọc (ngăn lắng lọc) → Ngăn chứa nước sau xử lý → Hố ga thoát nước trên đường Huỳnh Công Thiệu, phường Đức Phổ.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng:

TT	Hóa chất/chế phẩm sinh học	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	Trichloroisocyanuric (TCCA 90%)	kg/tháng	6	Bổ sung hóa chất khử trùng cho hệ thống xử lý nước thải
2	Than hoạt tính	kg/năm	200	Thấp khử mùi cho hệ thống xử lý nước thải

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Không có.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình vận hành.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống và hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng nước thải đầu vào, đầu ra; bố trí vị trí lấy mẫu kiểm chứng chất lượng nước thải đầu ra.

- Thực hiện tốt các biện pháp kiểm soát mùi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Nhanh chóng thay thế thiết bị, máy bơm,... trong trường hợp bị hư hỏng. Xây dựng kế hoạch xử lý khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Phương án ứng phó sự cố: khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án sẽ tiến hành kiểm tra xác định các bể/thiết bị xử lý không hiệu quả và nhanh chóng khắc phục. Sau khi hệ thống hoạt động ổn định sẽ mở van xả nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo điểm 1 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về quy chuẩn xả thải trước khi thoát ra môi trường.

3.2. Khuyến khích có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải, hàng ngày nhân viên vận hành theo dõi và ghi chép đầy đủ các số liệu như: lưu lượng, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh, các sự cố và biện pháp khắc phục sự cố (nếu có),...

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Một (01) nguồn thải, cụ thể:

TT	Nguồn thải	Vị trí phát sinh
1	Nguồn số 01	Khí thải từ tháp khử mùi của hệ thống xử lý nước thải của dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Có 01 dòng khí thải, vị trí xả khí thải tại ống thoát của tháp khử mùi của hệ thống xử lý nước thải (tại vị trí có tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108° , múi chiều 3° : $X = 1638833$; $Y = 603215$).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $540 \text{ m}^3/\text{giờ} \sim 12.960 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý thoát ra môi trường tại khu vực hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải: Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, $K_p = 1$ và $K_v = 0,8$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua (H_2S)	mg/Nm^3	6 (*)	Không thuộc đối tượng (**)
2	Amoni và các hợp chất amoni (NH_3)	mg/Nm^3	40 (*)	

Ghi chú:

(*): QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 1$, $K_v = 0,8$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Lưu lượng nguồn thải $540 \text{ m}^3/\text{h} < 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ theo bảng 2 QCVN 19:2009/BTNMT chọn $K_p = 1$, hệ số vùng khu vực thị xã Đức Phổ (cũ) thuộc loại 2 theo bảng 3 QCVN 19:2009/BTNMT chọn $K_v = 0,8$); Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi hệ số vùng, khu vực (K_v) thì cơ sở thực hiện theo lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm

quyền quy định khi ban hành các quy định nêu trên theo nội dung tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

*(**): Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ, quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (dòng số 9, cột 5 và 6, Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

Khí mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom vào tháp xử lý mùi để xử lý, sau đó khí sạch theo ống thải có đường kính 160 mm, cao 2 m thoát ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình: Khí mùi → Ống thu gom → Quạt hút → Tháp xử lý mùi → Ống thải → Khí thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 540 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Nghiêm túc thực hiện quy trình vận hành, các yêu cầu và thông số kỹ thuật của thiết kế trong quá trình lắp đặt và vận hành.

- Thực hiện tốt công tác giám sát chất lượng khí thải đầu ra, kịp thời phản ứng khi phát hiện sự cố.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom và các công trình xử lý khí thải.

- Nhanh chóng thay thế hoặc sửa chữa thiết bị trong trường hợp hư hỏng.

- Khi hệ thống xử lý khí thải bị sự cố, lập tức dừng hoạt động của công đoạn phát sinh khí thải đó để xử lý, đến khi khắc phục được sự cố thì mới hoạt động lại.

- Trong quá trình vận hành nếu để xảy ra sự cố môi trường ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh, Chủ dự án phải thực hiện khắc phục ngay sự cố và báo các cơ quan, ban ngành liên quan để phối hợp, xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của tháp xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Chủ dự án đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 01 mẫu đơn (01 mẫu khí thải đầu ra) của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải theo điểm e khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 08/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP).

3.4. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Gồm có ba (03) nguồn, cụ thể:

TT	Nguồn phát sinh	Vị trí phát sinh	Khu vực phát sinh
1	Nguồn số 01	Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải	Khu vực xử lý nước thải
2	Nguồn số 02	Tại nhà đặt máy phát điện dự phòng của dự án	Khu vực bên trong Bệnh viện
3	Nguồn số 03	Tại khu vực giặt là của dự án	Khu vực bên trong Bệnh viện

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí ba (03) nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108^0 , múi chiều 3^0 , cụ thể như sau:

TT	Nguồn thải	Khu vực phát sinh	Tọa độ	
			X	Y
1	Nguồn số 01	Khu vực xử lý nước thải	1638833	603219
2	Nguồn số 02	Khu vực bên trong Bệnh viện	1638811	603328
3	Nguồn số 03	Khu vực bên trong Bệnh viện	1638845	603265

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27/2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	55	45	Khu vực đặc biệt

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định hiện hành.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung: Kiểm tra độ cân bằng của máy, độ mài mòn của các chi tiết, tra dầu mỡ, siết chặt bulông, đinh vít.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Tên chất thải theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04 (KS)	Rắn	36
2	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04 (NH)	Rắn	200
3	Chất thải có tác nhân lây nhiễm	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01 (NH)	Rắn	10.950
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa thành phần nguy hại	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02 (KS)	Rắn/lỏng	240
5	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03 (NH)	Rắn/lỏng	600
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06 (NH)	Rắn	24
	Tổng				12.050

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải sân vườn: Phát sinh từ quá trình chăm sóc bồn hoa, cây cảnh trong khuôn viên Bệnh viện với khối lượng khoảng 1 tấn/năm.

- Chất thải rắn thông thường khác: Phát sinh từ các hoạt động của Bệnh viện không chứa các yếu tố nguy hại và sử dụng để tái chế như giấy, báo, tài liệu, chai nhựa, kim loại... với khối lượng khoảng 4,226 tấn/năm.

- Bùn thải: 30 m³/lần hút bùn.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của cán bộ công nhân viên, người bệnh, người nhà người bệnh, khách đến làm việc (trừ chất thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm) với khối lượng khoảng 73 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm:

+ Thiết bị lưu chứa: thùng có thể tích 5 lít, 120 lít, 240 lít.

+ Diện tích kho lưu chứa: có diện tích 10 m², kích thước D x R = 4 x 2,5 (m), Kho chứa chất thải được xây dựng bằng tường gạch bao kín, mặt sàn bằng bê tông, mái lợp tôn, có gờ chống tràn, có biển báo và cửa đóng mở khi ra vào.

- Kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Thiết bị lưu chứa: thùng có thể tích 5 lít, 120 lít, 240 lít.

+ Diện tích kho lưu chứa: có diện tích 7 m², kích thước D x R = 3 x 2,5 (m), Kho chứa chất thải được xây dựng bằng tường gạch bao kín, mặt sàn bằng bê tông, mái lợp tôn, có gờ chống tràn, có biển báo và cửa đóng mở khi ra vào.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Thiết bị lưu chứa: Túi màu xanh, màu trắng, thùng có thể tích 5 lít, 20 lít, 120 lít và xe thùng loại 240 lít và 660 lít.

+ Diện tích kho lưu chứa: có diện tích 20 m², kích thước D x R = 5 x 4 (m); Thiết kế, cấu tạo nhà cấp IV, tường gạch bao kín, mặt sàn bằng xi măng, mái lợp tôn.

- Bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải:

+ Diện tích bể: Thể tích hữu dụng 45,62 m³, kích thước: 7,04 m x 1,8 m x 3,6 m; Bể bê tông cốt thép.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Kho chứa chất thải sinh hoạt:

+ Thiết bị lưu chứa: Túi màu xanh, màu trắng, thùng có thể tích 5 lít, 20 lít, 120 lít và xe thùng loại 240 lít và 660 lít.

+ Diện tích kho: có diện tích 20 m², kích thước D x R = 5 x 4 (m); Thiết kế, cấu tạo: nền xi măng, có mái che.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Nhà kho chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp phụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom xử lý khí thải, sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất và đảm bảo an toàn cho người lao động.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định pháp luật./.